

Bản án số: 14/2025/HS-PT
Ngày 27 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Minh Tâm và bà Đinh Thị Thu Hằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Ngô Hồng Đình- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (cơ sở B) xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2025/TLPT-HSCTN ngày 01 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Dương Xuân H, Trần Hoàng K, Huỳnh Ngọc N, Trương Anh N1; do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Dương Xuân H, Trần Hoàng K, Huỳnh Ngọc N, Trương Anh N1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2025/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân – khu vực 13, tỉnh An Giang).

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Ngọc Q (Q) (phạm tội khi 16 tuổi, 3 tháng, 01 ngày); sinh ngày: 19/01/2008 tại huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã M, tỉnh An Giang); nơi cư trú: tổ E, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là tổ E, ấp M, xã M, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; cha: ông Nguyễn Ngọc T, mẹ: bà Nguyễn Thị Cẩm G; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Q: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ E, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là tổ E, ấp M, xã M, tỉnh An Giang) (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Q: Bà Văng Thị V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A, (có mặt).

2. Dương Xuân H, sinh ngày: 08/8/2009 tại thành phố C, tỉnh An Giang (nay là Phường C, tỉnh An Giang); nơi cư trú: tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là tổ A, khóm V, phường V, tỉnh An Giang) (kết quả giám định độ tuổi trên người sống kết luận vào tháng 12/2024 là từ 17 tuổi đến

17 tuổi 6 tháng); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ, mẹ: bà Dương Thị T1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo H: Bà Dương Thị T1, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là tổ A, khóm V, phường V, tỉnh An Giang). Bà Dương Thị T1 đã chết ngày 25/7/2025, nhưng có bà ngoại của bị cáo là bà Đào Thị D làm người đại diện (có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo H: Bà Văng Thị V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A; (có mặt).

3. Trần Hoàng K (khi phạm tội 16 tuổi 5 tháng 17 ngày) sinh ngày: 03/11/2007; tại thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang); nơi cư trú: khóm G, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là khóm G, phường C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; cha: ông Trần Hoàng E, mẹ: bà Trần Thị Thu H1, tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo K: Ông Trần Hoàng E, sinh năm 1988; địa chỉ: khóm G, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là khóm G, phường C, tỉnh An Giang) (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo K: Bà Lê Hồ Bích H2 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A; (có mặt).

4. Huỳnh Ngọc N (khi phạm tội 17 tuổi 5 tháng 27 ngày); sinh ngày: 23/8/2006; tại thành phố C, tỉnh An Giang (nay là Phường V, tỉnh An Giang); nơi cư trú: tổ F, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là tổ F, khóm V, phường V, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; cha: ông Huỳnh Ngọc M, mẹ: bà Đỗ Thị Kim L; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Trương Anh N1, (khi phạm tội 16 tuổi 06 ngày) sinh ngày: 14/4/2008; tại thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường V, tỉnh An Giang); nơi cư trú: tổ C, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là tổ C, khóm V, phường V, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; cha: ông Trương Văn T2, mẹ: bà Lưu Thị Thanh T3; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo N1: Ông Trương Văn T2, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ F, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là tổ F, khóm V, phường V, tỉnh An Giang) (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo N1:

1. Ông Đỗ Khoa K1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A (có mặt);
2. Luật sư Trần Bá N2 – Đoàn Luật sư tỉnh K, địa chỉ: số E, đường M, đặc khu P, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 20/4/2024, Trần Trọng N3 rủ Trần Thanh T4, Huỳnh Tấn P, Dương Xuân H3, Trần Hoàng K, Nguyễn Ngọc Q (Q), Ngô Kỳ L1, Nguyễn Thành L2, Huỳnh Ngọc N, Trương Anh N1, Trương Minh Tuấn Đ đánh nhau với nhóm Vũ Lê T5. Cả nhóm của N3 đi trên 05 xe mô tô, T4 cầm 01 cây dao tự chế, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 67A1 - 056.94 chở N3 cầm 01 cây dao tự chế dài khoảng 70cm; H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius (không rõ biển số) chở P cầm 01 cây dao (loại dao chặt củi); L1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu sơn trắng, không rõ biển số, chở Q (cầm 01 cây dao tự chế dài khoảng 60cm) và K (cầm 01 ống tuýp sắt dài khoảng 50cm); N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Future màu sơn trắng (không rõ biển số) chở L2 (cầm 01 cây dao tự chế); Đ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở N1.

Khi đến cổng chợ C, N3 thấy Đường T điều khiển xe mô tô chở Mai Thanh T6 rẽ vào chợ C về hướng C nên nhóm của N3 quay lại chặn T7 ở khu vực bãi giữ xe thuộc khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. T4 dùng xe để chặn xe của T7, N3 xuống xe cầm dao tự chế trên tay phải đứng đối diện chém 02 cái từ trên xuống, T7 đưa tay lên đỡ nên trúng cẳng tay trái T7 gây thương tích; T4 dùng dao tự chế cầm trên tay phải chém 02 cái trúng vào vai phải, bàn tay phải của T7 gây thương tích. N3 tiếp tục chém 02 cái trúng vào vai trái và đùi trái của T7, L2 dùng dao tự chế chém 01 cái trúng vào cẳng tay trái T7, K chạy đến thì bị xe mô tô của T7 đè lên chân nên K dùng ống tuýp sắt cầm trên tay phải đánh 01 cái trúng vào mũ bảo hiểm T7 đang đội trên đầu, T7 buông xe ngã xuống đường; N1 nhặt 01 cục đá gần đó ném về phía Tín. Lúc này, N3 dùng tay nắm cổ áo kéo T7 đi khoảng 03 mét và tay phải giơ dao tự chế lên ngang đầu với mục đích hăm dọa nếu T7 bỏ chạy sẽ tiếp tục chém. Q và P cầm hung khí đi đến định chém thì thấy người bị chém là T7 (em họ của Đường Thị Anh T8, là bạn gái của P) nên can ngăn. Ngày 26/4/2024, Đường T đến Công an phường C trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ: 01 cây dao tự chế dài 80cm, cán dao bằng kim loại kích thước (29 × 2,4)cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 51cm, sắc bén một cạnh; 01 cây dao tự chế dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 16,5cm, lưỡi dao (có đục nhiều lỗ) bằng kim loại màu đen dài 33,5cm, sắc bén một cạnh; 01 cây dao tự chế dài 51,5cm, cán dao bằng gỗ dài 13,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 38cm, sắc bén một cạnh, mũi dao bầu và các vật chứng khác có liên quan.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 365/24/KLTTCT-TTPY ngày 20/5/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A, kết luận thương tích của Đường T, sinh năm 2007:

* Các kết quả chính:

Sẹo vùng ngực phải, dạng tròn, kích thước (0.7×0.5) cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ là 01%. Khả năng do vật tày gây nên.

- Sây sát da dạng thẳng vùng bả vai phải để lại sẹo, kích thước (0.5×0.2) cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ là 01%. Do vật sắc gây nên.

Sẹo vai trái, nằm xiên, kích thước (2.7×0.4) cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ là 01%. Do /vật sắc gây nên.

- Sẹo mặt lưng bàn tay phải phía ngón V đến mặt lưng đốt 1 ngón V bàn tay phải, kích thước (0.5×0.1) cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ 01%. Gây gãy xương bàn ngón V tay phải, điều trị bảo tồn, tỷ lệ là 06%.

Tỷ lệ là 07%. Do vật sắc gây nên.

- 02 sẹo mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái: Vết 01: Kích thước (1.1×0.1) cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ là 01%. Do vật sắc gây nên. Vết 02: Kích thước (0.1×0.1) cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ là 01%. Do vật sắc gây nên.

- Sây sát da dạng mảng để lại sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước (1.2×0.5) cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ là 01%. Khả năng do vật tày gây nên.

Sẹo mặt ngoài 1/3 trên đùi trái, nằm xiên, kích thước (0.5×0.3) cm, là sẹo có kích thước trung bình tỷ lệ là 02%. Do vật sắc gây nên.

* Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định về tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Đường T là 14%.

Căn cứ các Kết luận giám định độ tuổi số 148, 149/KLGĐĐT-TTPYCT ngày 11/12/2024 của Trung tâm pháp y Thành phố C, ghi nhận:

- Trần Hoàng K, sinh năm 2007. Xác định Trần Hoàng K có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng (Tại thời điểm giám định ngày 06/12/2024).

- Dương Xuân H, sinh năm 2009: Xác định Dương Xuân H3 có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng (Tại thời điểm giám định ngày 06/12/2024).

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc (nay là Tòa án nhân dân - khu vực 13, tỉnh An Giang) tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Dương Xuân H, Trần Hoàng K, Huỳnh Ngọc N4, Trương Anh N1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 4 Điều 98 Bộ luật Hình sự năm

2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024: xử phạt bị cáo Trương Anh N1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, bị cáo Trần Hoàng K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, bị cáo Huỳnh Ngọc N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 4 Điều 98 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024: xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc Q 01 (một) năm tù, bị cáo Dương Xuân H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án.

Vào ngày 09/6/2025, bị cáo Nguyễn Ngọc Q và người đại diện của bị cáo Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Ngày 02/6/2025, bị cáo Trương Anh N1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật. Ngày 10/6/2025, các bị cáo Trần Hoàng K, Dương Xuân H, Huỳnh Ngọc N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, thì có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Ngọc Q và người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Ngọc T, Trương Anh N1, Trần Hoàng K, Dương Xuân H và Huỳnh Ngọc N bổ sung yêu cầu kháng cáo như sau: bị cáo Trương Anh N1 xác định lại yêu cầu kháng cáo là xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, các bị cáo Trần Hoàng K, Dương Xuân H, Huỳnh Ngọc N thêm yêu cầu xin được hưởng án treo. Ngoài ra, các bị cáo khai nhận tại phiên tòa phúc thẩm giống như đã khai tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo có thời gian thử thách với lý do: hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là nặng, các bị cáo là người chưa thành niên nên chưa nhận thức đúng đắn về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Các ngày 02, 09, 10 tháng 6 năm 2025 bị cáo Trương Anh N1, Nguyễn Ngọc Q (cùng người đại diện Nguyễn Ngọc T), Dương Xuân H, Huỳnh Ngọc N, Trần Hoàng K kháng cáo: Hồng, N, K yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Quý yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. N1 không nêu rõ yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Anh N1, Nguyễn Ngọc Q (cùng người đại diện Nguyễn Ngọc T), Dương Xuân H, Huỳnh Ngọc N, Trần Hoàng K đều yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo. Tuy nhiên N, K, N1 không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ xem xét để giảm hình phạt. Sau phiên tòa sơ thẩm, Q đã bồi thường thêm cho bị hại 1.000.000 đồng nên đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Mẹ của bị cáo Q vừa mất, bị cáo còn bà

ngoại giả sức khỏe yếu nên cũng có thể xem đây là một tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo H. Như vậy, Q có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 BLHS, H có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại i khoản 1, và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tại thời điểm phạm tội Q có độ tuổi 16 năm 3 tháng 01 ngày; H có độ tuổi 14 năm 8 tháng 12 ngày (nếu tính theo giấy khai sinh) và 16 năm 4 tháng (nếu tính theo kết luận giám định), chỉ vừa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội còn thấp. Trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên, không cần thiết cách ly Hồng, Q ra khỏi đời sống xã hội, giao các bị cáo cho địa phương và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân tốt cho xã hội. Vì vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của H, Q. Giảm cho Q 03 tháng tù, giảm cho H 06 tháng tù và cho các bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015, sửa bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; khoản 4 Điều 98 BLHS; khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt:

- Trương Anh N1 01 năm 03 tháng tù (nếu tại phiên tòa bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới thì giảm cho bị cáo từ 02 đến 03 tháng tù)

- Trần Hoàng K 01 năm 03 tháng tù.

- Huỳnh Ngọc N 01 năm tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; khoản 4 Điều 98 BLHS; khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên: Nguyễn Ngọc Q 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; khoản 4 Điều 98 BLHS; khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên: Dương Xuân H 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm.

Người bào chữa cho bị cáo Q, Bà Văng Thị V trình bày: Tôi thống nhất ý kiến với đại diện VKS. Bị cáo Q có tham gia vụ án với tư cách là đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn không có vai trò chính trong vụ án, không tham gia trực tiếp gây thương tích cho bị hại, bị cáo còn là người chưa thành niên chưa nhận thức được toàn diện hành vi của bản thân. Ngoài ra, bị cáo có hành vi can ngăn các bị cáo khác tiếp tục gây thương tích cho bị hại. Sau khi thực hiện hành vi, bị cáo thấy ăn năn, hối cải nên có thực hiện bồi thường cho bị hại mặc dù bị hại không có yêu cầu. Bị cáo là lần đầu phạm tội, không có tiền án, tiền sự. Từ những lý do trên, kính mong HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại và đề nghị của đại diện VKS giảm hình phạt cho bị cáo Q và cho bị cáo hưởng án treo có thời gian thử thách.

Người đại diện cho bị cáo Q, ông Nguyễn Ngọc T trình bày: tôi thống

nhất ý kiến với người bào chữa và ý kiến của đại diện VKS. Do cháu còn nhỏ, chưa nhận thức đúng đắn hành vi của mình gây ra, tôi là cha của bị cáo, nhưng chưa giáo dục cháu đúng cách. Nhưng tôi sẽ thay đổi cách giáo dục để cháu hiểu rõ và nhận thức được hành vi của mình. Kính mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q cho cháu được hưởng án treo, để cháu có thể tại ngoại làm lại con người tốt cho gia đình và xã hội, chuộc lại lỗi lầm đã gây ra và có thể lao động để lo cho gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo N1, Luật sư Trần Bá N2 trình bày: tôi không thống nhất với đề nghị của đại diện VKS. Bởi các lẽ sau: Hành vi của bị cáo N1 không gây ra thương tích cho bị hại, mặc dù bị cáo sử dụng hòn đá ném vào bị hại nhưng không trúng nên không có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả thương tích của bị hại. Vai trò của bị cáo N1 trong vụ án chỉ là đồng phạm giảm đơn, không phải người thực hiện gây ra thương tích cho bị hại, có thể nhận định là vai trò không đáng kể, chỉ giúp sức về tinh thần cho các bị cáo khác. Vì những căn cứ trên kính mong HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra, còn có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, căn cứ Kết luận điều tra và Cáo trạng của VKS không đồng nhất. Theo kết luận điều tra thể hiện bị cáo N1 chỉ nhặt 01 (một) cục đá và ném vào bị hại và không gây ra thiệt hại cho bị hại nên không cấu thành tội phạm do không gây ra hậu quả thương tích cho bị hại. Nhưng trong Cáo trạng của VKS lại thể hiện các bị cáo bao gồm cả bị cáo N1 gây thương tích 14% cho bị hại bằng dao và vật sắc và ý định từ đầu của bị cáo là không phải gây thương tích cho T7 mà là một nhóm khác. Từ đó có thể nhận thấy sự bất đồng giữa Kết luận điều tra của cơ quan điều tra và Cáo trạng của VKS. Kính Mong HĐXX xem xét hai quan điểm trên của Người bào chữa cho bị cáo N1.

Đại diện VKS đưa ra ý kiến tranh luận với phần bào chữa của Luật sư Trần Bá N2: Kết luận điều tra của cơ quan điều tra không mâu thuẫn với Cáo trạng của VKS. Hành vi thực tế của bị cáo N1 là nhặt đá ném vào bị hại sau khi các bị cáo khác đã chém bị hại và sau nghe truy hô ngăn cản từ bị cáo Q mà bị N1 vẫn dùng đá để ném bị hại. Ngoài ra, bị cáo từ đầu đã biết nhóm của mình đi là để đánh nhau mà bị cáo vẫn tham gia thể hiện ý chí, mong muốn của bị cáo. Do bị cáo là đồng phạm trong vụ án nên cáo trạng thể hiện bị cáo N1 phải chịu hậu quả do đồng phạm gây ra, mà hậu quả do đồng phạm gây ra trong vụ án này là bị hại T7 bị chém và gây thương tích là 14%.

Người đại diện cho bị cáo N1, ông Trương Văn T2 trình bày: Tôi thống nhất và đồng ý với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N1. Lúc gây án bị cáo N1 chỉ mới có 16 tuổi 06 ngày, còn quá nhỏ nên cháu vẫn chưa nhận thức đúng đắn được hành vi của bản thân, không nghĩ cục đá là vật nguy hiểm chỉ nhặt lên và ném bừa vào bị hại và không gây thương tích cho bị hại. Kính mong HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho cháu được hưởng án treo để cháu làm lại con người mới có ích cho xã hội, tôi hứa sẽ giáo dục lại cho cháu để cháu nhận thức đúng đắn hơn.

Người bào chữa cho bị cáo H, bà Văng Thị V trình bày: Tôi đồng ý và thống nhất với đề nghị của đại diện VKS. Vai trò của bị cáo H trong vụ án tương

tự với bị cáo Q, chỉ là đồng phạm giản đơn, không trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại. Ngoài ra, khi phạm tội bị cáo chỉ là người chưa thành niên, nhận thức chưa toàn diện về hành vi mà bản thân gây ra, đây cũng là lần đầu bị cáo H phạm tội, không có tiền án, tiền sự. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, mẹ của bị cáo là bà Dương Thị T1 đã mất, bị cáo không có cha, gia đình chỉ còn bà N5 cao tuổi đang bệnh tim và em nhỏ đang học tiểu học, hiện tại bị cáo là trụ cột chính trong gia đình. Mặc dù chưa thành niên, bị cáo phải đi làm kiếm tiền lo cho bà và em, hoàn cảnh vô cùng đáng thương. Kính mong HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện VKS giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách để bị cáo có thể tại ngoại bên ngoài, để bị cáo đi làm nuôi gia đình và làm lại con người tốt cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Huỳnh Ngọc N trình bày: Bị cáo không chấp nhận đề nghị của đại diện VKS. Hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo phải đi làm để lo cho gia đình, cha mẹ bị cáo đi làm xa không ở nhà. Sau khi gây án bị cáo rất hối hận và đã thành khẩn khai báo toàn bộ sự việc, đây là lần đầu bị cáo phạm tội, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, khi gây án bị cáo chưa thành niên nên chưa nhận thức hành vi nguy hiểm của bản thân cho xã hội và người khác. Bị cáo kính mong HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có thể tại ngoại bên ngoài chuộc lại sai lầm, làm lại người tốt và đi làm kiếm tiền lo cho gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo K, bà Lê Hồng Bích H4 trình bày: Tôi không thống nhất với ý kiến của đại diện VKS. Mặc dù bị cáo K có thực hiện hành vi dùng ống tuýp sắt để đánh vào nón bảo hiểm của bị hại, nhưng hành vi này không gây ra hậu quả thương tích cho bị hại. Do bị cáo là người chưa thành niên nên bị cáo chưa nghĩ được toàn diện hành vi của bản thân, bị cáo thấy hành vi của mình không gây ra thương tích và không phạm tội. Ngoài ra, bị cáo là lần đầu phạm tội, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Kính mong HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo làm lại cuộc đời và làm người có ích cho xã hội.

Người đại diện cho bị cáo K, ông Trần Hoàng E trình bày: Tôi thống nhất với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo K. Cháu còn nhỏ, chưa thành niên chưa nhận thức được hành vi của bản thân là phạm tội. Cháu hiện tại chỉ sống với bà N6 lớn tuổi và bác (anh ruột của ông Trần Hoàng E), tôi thì đi làm xa trên thành phố Hồ Chí Minh nên không dạy dỗ được cháu K. Sau chuyện này, tôi sẽ có cách dạy dỗ cháu K tốt hơn để cháu thành người tốt cho gia đình và xã hội. Kính mong HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K và cho cháu được hưởng án treo để phụ giúp tôi đi làm nuôi gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, người đại diện hợp pháp của bị cáo Q là ông Nguyễn Ngọc T, Trương Anh N1, Trần Hoàng K, Dương Xuân H và Huỳnh Ngọc N làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Trương Anh N1, Trần Hoàng K, Dương Xuân H và Huỳnh Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/4/2024 tại khu vực bãi giữ xe Khóm E, phường C, C, tỉnh An Giang (nay là Phường C, tỉnh An Giang), các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Dương Xuân H, Trần Hoàng K, Huỳnh Ngọc N và Trương Anh N1, đã có hành vi đồng phạm với các bị cáo khác dùng các loại hung khí nguy hiểm (dao tự chế, ống tuýp...) chặn xe, đánh và chém nhiều nhát vào bị hại Đường T. Hậu quả gây thương tổn cơ thể cho Đường T là 14%.

[4] Xét thấy, các bị cáo khi thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại thì đều đã đủ 16 tuổi trở lên (nhưng chưa đủ 18 tuổi), đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật; xâm phạm đến sức khỏe của bị hại nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi; các bị cáo phạm tội với tính chất côn đồ và sử dụng hung khí nguy hiểm. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Dương Xuân H, Trần Hoàng K, Huỳnh Ngọc N và Trương Anh N1 phạm tội "Cố ý gây thương tích", theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, sử dụng nhiều hung khí có tính sát thương cao; nhiều người gây thương tích cho một người, thực hiện hành vi một cách nhanh chóng, quyết liệt, tại khu vực đường phố công cộng, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, nhất là trong tình hình địa bàn Phường C và lân cận có nhiều vụ thanh,

thiếu niên tụ tập thành nhóm, điều khiển xe mô tô phóng nhanh trên đường giao thông, mang theo và sử dụng hung khí nguy hiểm, gây mất trật tự, an ninh và thậm chí đã thực hiện các hành vi phạm tội trong thời gian gần đây tạo ra tâm lý bất ổn, hoang mang, lo sợ, mất an toàn cho người dân sống trong khu vực. Một số các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này đã bị xem xét và xử lý trong nhiều vụ việc vi phạm pháp luật khác. Do đó việc có mức án nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết để răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của pháp luật; tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, xem xét áp dụng các quy định đối với người phạm tội chưa đủ 18 tuổi; các quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên để xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù lần lượt: Nguyễn Ngọc Q 01 (một) năm tù; Dương Xuân H 01 (một) năm tù; Trần Hoàng K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, Huỳnh Ngọc N 01 (một) năm tù và Trương Anh N1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là có căn cứ.

[7] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Ngọc Q và đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Nguyễn Ngọc T. HĐXX thấy rằng, trong vụ việc bị cáo Q không trực tiếp gây thương tích cho bị hại và khi phát hiện bị hại là người quen đã lên tiếng can ngăn những bị cáo khác; sau phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị cáo đã bồi thường thêm 01 triệu đồng cho người bị hại dù người bị hại không có yêu cầu và đã xin giảm hình phạt; khi phạm tội bị cáo cũng chỉ 16 tuổi 03 tháng, nên HĐXX chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhưng không chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo của đại diện VKS, người bào chữa là phù hợp nên chấp nhận, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp nên không được chấp nhận

[8] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Dương Xuân H, HĐXX xét thấy, Trong vụ việc bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, tuy nhiên bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi, hậu quả của đồng phạm gây ra, cấp sơ thẩm đã xem xét và xử bị cáo mức 01 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết, chứng cứ mới để có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nhưng HĐXX xét thấy bị cáo có hoàn cảnh đáng thương, mẹ vừa mất mà bị cáo không có cha, trong gia đình chỉ còn bà ngoại lớn tuổi bị bệnh và em nhỏ, bị cáo chưa thành niên nhưng là trụ cột chính trong gia đình. Nên HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận giảm hình phạt nhưng chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo có thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo lao động để nuôi gia đình và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Giao bị cáo cho

Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh An Giang quản lý. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của VKS là không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận, đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[9] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Trần Hoàng K, HĐXX xét thấy, bị cáo K trong vụ việc đã trực tiếp sử dụng hung khí là ông tuýp sắt, khi thấy bị hại T7 đã bị các bị cáo khác chém gây thương tích nhưng vẫn chạy đến chỗ bị hại và đã dùng ông tuýp sắt đánh vào nón bảo hiểm của bị hại, thể hiện tính côn đồ, hung hãn nên việc cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo nặng hơn các bị cáo còn lại là có cơ sở. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết, chứng cứ mới để có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo K của VKS là phù hợp nên được chấp nhận; không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[10] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Huỳnh Ngọc N, HĐXX xét thấy, trong vụ án bị cáo không trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại, tuy nhiên bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi, hậu quả của đồng phạm gây ra, khi phạm tội bị cáo chưa thành niên nhưng có độ tuổi 17 tuổi 5 tháng 27 ngày là lớn hơn so với những bị cáo khác, đáng lý bị cáo phải nhận thức tốt hơn các bị cáo khác về hành vi của bản thân, cấp sơ thẩm đã xem xét và xử bị cáo mức 01 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết, chứng cứ mới để có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo N của VKS là phù hợp nên HĐXX chấp nhận đề nghị.

[11] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Trương Anh N1, HĐXX thấy rằng, bị cáo không mang theo hung khí, khi các bị cáo khác gây thương tích cho bị hại thì bị cáo đứng ngoài, tuy có dùng 01 hòn đá để ném về phía bị hại nhưng không trúng bị hại; khi phạm tội thì bị cáo chỉ mới 16 tuổi 06 ngày, nên HĐXX xem xét chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Đề nghị xin giảm hình phạt của người bào chữa đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận. Đề nghị của VKS giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo là không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận đề nghị, đề nghị xin cho bị cáo được hưởng án treo của người bào chữa là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[13] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, người đại diện hợp pháp của bị cáo Q ông Nguyễn Ngọc T, Trương Anh N1, Dương Xuân H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Huỳnh Ngọc N, Trần Hoàng K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc Q và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q ông Nguyễn Ngọc T, Trương Anh N1, Dương Xuân H. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hoàng K và Huỳnh Ngọc N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (nay là Tòa án Khu vực 13 - tỉnh An Giang).

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Dương Xuân H, Trần Hoàng K, Huỳnh Ngọc N, Trương Anh N1 phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 4 Điều 98 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 119, Khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91, khoản 4 Điều 98 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khoản 1 Điều 119, Khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên:

- Xử phạt bị cáo Dương Xuân H 01 (một) năm tù nhưng được hưởng án treo có thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án về án treo 02 (hai) lần thì bị buộc chấp hành hình phạt tù như đã tuyên trong Bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh An Giang quản lý và giáo dục theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 4 Điều 98 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 119, Khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên:

- Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trương Anh N1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, người đại diện hợp pháp của bị cáo Q ông Nguyễn Ngọc T, Trương Anh N1, Dương Xuân H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Các bị cáo Huỳnh Ngọc N, Trần Hoàng K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP HCM;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 13, tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13, tỉnh An Giang;
- Phòng THA-DS khu vực 13, tỉnh An Giang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh An Giang;
- Bị cáo có kháng cáo;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Toà HS; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ